

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỚ

QUYỂN 27

Thứ ba: Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hương.

Phần trường hàng cũng có hai: Đầu là Hạnh thuộc phần vị; sau là Quả thuộc phần vị.

Trong phần đầu là Hạnh thuộc phần vị cũng có ba mục:

Mục một là nêu ra tên gọi: Nếu dựa theo thứ tự của văn, thì chỉ giống với Đạo hồi hương của chư Phật ba đời, dựa vào phần sau cũng giống với thiện căn, bởi vì văn nói: Như tất cả thiện căn mà chư Phật quá khứ đã thực hành, con cũng thực hành như vậy.

Kinh Bốn Nghiệp cũng nói: “Pháp của chư Phật ba đời, thực hành trong tất cả thời gian.” Bởi vì bao gồm hiển bày về không gián đoạn, cho nên văn sau nói: Đi cùng với vợ con mà chưa từng tạm thời rời bỏ tâm Bồ-đề. Đây là thuận theo nơi giống nhau mà thiết lập tên gọi, tức là giống với hồi hương của tất cả chư Phật, bởi vì đi sâu vào pháp tánh, thực hành pháp thiện ở tất cả mọi nơi, mà làm tánh ấy.

Trong mục hai là dựa vào đưa ra để mở rộng giải thích, có hai: 1- Tổng quát nêu lên, tức là giải thích tên gọi; 2- Từ “Như thị...” trở xuống là mở rộng giải thích.

Trong mục 2 cũng có hai: a- Hiển bày về hồi hương; b- Trình bày về thành tựu lợi ích.

Trong mục a lại có hai: Trước là giống với Tùy tướng; sau là giống với Ly tướng.

Trong mục trước lại có hai: Một- Trình bày về thiện căn đối với cảnh, dùng để hồi hương; Hai- Tổng quát thâm nhiếp vạn thiện, dùng để hồi hương.

Trong tiết một lại có hai: 1- Thiện căn đã hồi hương; 2- Từ “Phật tử...” trở xuống là chính thức hiển bày về hồi hương.

Tiết 1: Nghĩa là lúc học theo Phật tu tập, đối với sáu cảnh thuận-

ngịch mà thành tựu bốn tâm thanh tịnh: 1- Đối với thuận-ngịch mà thành tựu hạnh Xả, không bị cảnh dẫn dắt gọi là tâm tự tại. 2- Khác với phạm phu-Tiểu thừa, bởi vì Bi-Trí rộng lớn mà làm thanh tịnh các phiền não. 3- Bởi vì lìa xa buồn lo về lỗi lầm, cho nên có Hỷ-Lạc-Xả, không có buồn lo khổ não. 4- Thiên định an nhiên nhẹ nhàng cho nên tâm ý nhu hòa, không tùy tiện giữ lấy cảnh cho nên các căn trong lành.

Trong tiết 2 là chính thức hồi hướng, hồi hướng về cảnh của năm Thừa, văn phân làm năm chi: Một- Phật; Hai-Bồ tát; Ba- Chúng sinh có thiện nghiệp; Bốn- Nhị thừa; Năm- Chúng sinh có ác nghiệp.

Trong chi một là hồi hướng lên Phật, có hai: 1: Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau. 2: Từ “Nguyện dĩ ngã...” trở xuống là chính thức hiển bày về Nguyện của mình.

Trong chi 2 có hai: Trước là tổng quát về Nguyện tăng thêm niềm vui, nhưng đức của Phật đã tròn vẹn, nay nguyện tăng thêm, là bởi vì tôn trọng công ân gánh vác mà tỏ lòng thành kính, cũng giống như dâng tặng rau Cần lên người trên, hương hoa dâng cúng Đức Phật chứ không phải Đức Phật cần đến những thứ ấy. Sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt, văn có mười câu: Câu 1 hướng về chín câu, cũng là câu tổng quát, bởi vì đầy đủ các Trú sau, vì vậy gọi là Bất tư nghị. 2- Tức là Thiên Trú, nghĩa là Hải ấn... 3- Tức là Phạm Trú. 4- Tức là Thánh Trú, nghĩa là Vô biên giải thoát... 5- Chúng loại Câu sinh, Vô tác hạnh thông. 6- Mười niềm vui tự tại, hoặc là tám Ngã tự tại. 7- Dụng của Trí vô biên. 8- Lìa xa hiểu biết, hoàn toàn vắng lặng. 9- Đại Dụng luôn luôn sâu lắng. 10- Hai hành vĩnh viễn không còn.

Chi hai từ “Phật tử...” trở xuống là hồi hướng Bồ-tát, cũng có hai: 1: Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau. 2: Từ “Sở vị...” trở xuống là chính thức hiển bày, có mười câu: Sáu câu trước nói về Tự hành, bốn câu sau nói về Lợi tha.

Trong sáu câu trước nối thông có ba nghĩa: Một- Tượng nối thông phân rõ tùy theo Nguyện-Hạnh... mà đầy đủ; Hai- Đầy đủ đến cuối cùng; Ba- Đầy đủ thuận theo thứ tự. 1- Ở trong Tín là Nguyện tùy duyên, như phẩm Tịnh Hạnh; 2- Thanh tịnh về tâm hiểu biết (Giải) trong Thập Trú, vì vậy bản kinh thời Tấn nói là tâm thẳng thắn chưa thanh tịnh; 3- Thành tựu về Thập Hạnh; 4- Thành tựu về Thập Hồi Hướng, vì vậy Bồ-tát giới gọi là Thập Kim Cang; 5- Đạt được Địa thứ nhất trở lên, bởi vì chứng được Bất thối; 6- Đạt được Địa thứ tám trở lên, hạnh không có công dụng gọi là Đại tinh tiến, tùy ý vận dụng hiểu rõ tất cả các pháp gọi là thiện căn về môn bảo vệ Bồ-đề.

Trong bốn câu sau nói về Lợi tha: 1- Khiến cho chúng được phát tâm bởi vì lia xa hai Ngã; 2- An trú khắp nơi các Địa; 3- Thần thông đạt được công đức trong Địa; 4- Khiến cho chúng được quả Phật.

Chi ba từ “Phật tử...” trở xuống là hồi hướng Chúng sinh có thiện nghiệp, cũng là mê mờ về nghĩa chân thật, chúng sinh ngu dốt có một ít thiện nghiệp, chỉ vì cầu quả báo của Nhân-Thiên thừa, nay khiến cho trú vào Phật thừa, mà thành tựu mười lợi ích: Ba câu đầu là khiến cho nghĩ đến Tam Bảo; ba câu tiếp là nghĩ đến đức đã thành tựu; ba câu sau là nhờ vào đức mà thành tựu lợi ích; đều như thứ tự phối hợp với Phật-Pháp-Tăng Bảo, bởi vì Tam-muội Niệm Phật có thể phát sinh Thần thông.

Chi bốn từ “Như vi...” trở xuống là hồi hướng Nhị thừa, nhưng chúng sinh đối với pháp của Phật vốn dễ dàng thay đổi: 1: Hồi hướng; 2: Nhị thừa đến cuối cùng hồi tâm cho nên cũng không rời bỏ, ví dụ thành tựu lợi ích trước đây.

Chi năm từ “Hựu nguyện...” trở xuống là hồi hướng Chúng sinh có ác nghiệp, nghĩa là không bỏ sót hạng Xiển-đề, cũng là chúng sinh ngu dốt mê mờ đối với Di thực, cho nên không thấy quả khổ: 1: Khiến cho lia xa quả khổ mà thành tựu nhân thiện; 2: Từ “Vĩnh bất...” trở xuống là khiến cho lia xa nhân ác mà thành tựu quả ở đời sau.

Năm chi trên đây, một chi đầu là hồi hướng Bồ-đề, bốn chi còn lại là hồi hướng Chúng sinh.

Trong tiết hai từ “Phật tử Bồ-tát Ma-ha-tát sở hữu thiện căn...” trở xuống là tổng quát thân nhiếp vạn thiện, dùng để hồi hướng, có hai: 1- Tổng quát hiển bày về tướng ấy; 2- Từ “Phật tử...” trở xuống là riêng biệt trình bày trải qua sự việc.

Tiết 1: Vốn có thiện căn tức là những thiện nghiệp đã phát khởi, đều dùng Đại Nguyện tức là những thiện nghiệp có thể phát khởi. Riêng biệt có ba câu: Một- Thiện căn chưa phát sinh, dùng phương tiện của Đại Nguyện phát khởi khiến cho phát sinh, vì vậy bản kinh thời Tấn lấy phát khởi làm Hạnh. Hai- Cũng dùng Đại Nguyện tích tập làm cho nhiều thêm. Ba- Tùy theo mỗi một thiện căn đã phát sinh, tăng thêm thù thắng khiến cho đầy đủ Phật Địa.

Nhưng mà đều có câu lặp lại, nói rằng Chánh phát khởi..., nghĩa là tùy theo phát khởi-tích tập-tăng tiến, nhất định phải hướng về ba nơi chứ không mong cầu nơi nào khác, lia xa các sai lầm cho nên gọi là Chánh.

Từ “Tất linh...” trở xuống là tổng quát kết luận về thành tựu lợi

ích: Nhờ vào Chánh phát khởi..., khiến cho hợp với Bi-Trí, cho nên gọi là rộng lớn. Nhờ vào phát khởi-tích tập, cho nên đầy đủ các pháp thiện. Nhờ vào tăng trưởng, cho nên mỗi một pháp thiện đầy khắp pháp giới, chẳng khác gì Như Lai. Không có pháp thiện nào không như vậy, cho nên nói là đều khiến cho (Tất linh); mà bản kinh thời Tấn dịch Chánh làm Đẳng, bởi vì bản tiếng Phạn nói rằng: “Ba là bao gồm Chánh và Đẳng.” Nhưng Đẳng có hai nghĩa: Một là giống như Phật, nghĩa là bởi vì hạnh của Bồ-tát giống như hạnh của Phật; hai là giống như hạnh khác, nghĩa là bởi vì một hạnh giống như các hạnh khác. Nhưng mà Cổ đức lấy làm kết luận cho phần trên, tuy giải thích rất gượng gạo mà không phải là một, đều chưa hợp với văn sau. Nếu dùng Đẳng làm Bình Đẳng thì cùng với Chánh gần nhau, cũng thấu nhiếp nghĩa không đầy đủ, đều không phải là cách dùng hiện nay.

Tiết 2 là riêng biệt trình bày trải qua sự việc: Các pháp thiện không phải là một, sơ lược nêu ra một vài điều, để hiển bày về tùy duyên thấu nhiếp pháp thiện đều thành tựu hồi hướng. Trong văn có hai: Đầu là hiển bày về Tăng trưởng hồi hướng; sau từ “Phật tử Bồ-tát nhĩ thời...” trở xuống là trình bày về Tích tập hồi hướng. Phát khởi hồi hướng bao gồm ở hai nơi, tiết đầu cũng là Đại Bi tùy thuận, tiết sau dùng để trình bày về Đại Bi sâu nặng, đây là dựa theo thiện căn. Nếu dựa vào hồi hướng, thì tiết trước trình bày về hồi hướng Bồ-đề, bởi vì Chúng sinh, tiết sau là hồi hướng Chúng sinh khiến cho đạt được Bồ-đề, đều là bổ sung lẫn nhau, muốn hiển bày trong một lúc hồi hướng về ba nơi mà thôi.

Tiết đầu, trong Tăng trưởng hồi hướng, phân hai: a- Riêng biệt trình bày; b- Từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong tiết a có ba: Trước là trình bày về hồi hướng tùy theo nhiệm ô mà không hề nhiệm ô, bởi vì Từ cho nên tùy theo nhiệm ô, bởi vì Trí cho nên ở nơi đạo thanh tịnh nghĩ đến Tát-bà-nhã. Tiếp từ “Bồ-tát Ma-ha-tát...” trở xuống là lay động hợp với đạo để hồi hướng khắp nơi mà không gián đoạn. Sau từ “Vi dục...” trở xuống là tổng quát hiển bày về tướng của hồi hướng.

Chính thức hiển bày về nghĩa của Đại Nguyện phát khởi-tăng trưởng ở văn trước, trong văn có hai: Một- Tổng quát hiển bày, câu đầu là nêu ra ý, từ “An trú...” trở xuống tức là Nguyện có thể phát khởi, từ “Nhiếp thủ...” trở xuống là thiện căn đã phát khởi-đã tăng thêm, cứu giúp rộng khắp tất cả tức là kết luận thành tựu về nghĩa của Chánh. Hai- Từ “Vĩnh ly...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, văn có mười câu: 1-Bởi

vì lìa xa phiền não; 2- Bởi vì chính thức hưởng đến; 3- Bởi vì không chọn lấy đạo khác; 4- Bởi vì Chánh quán; 5- Bởi vì rời bỏ tạp nhiễm; 6- Bởi vì nhân tu đầy đủ; 7- Bởi vì rời bỏ hai chướng đối với nhân Bồ-đề; 8- Trì tụng về Trí của Địa; 9- Dùng Trí để tích tập pháp thiện; 10- Không nhiễm theo hành thế gian mà tiếp nhận về pháp xuất thế gian.

Mười câu đều là đức của chính mình có thể hưởng về Bồ-đề. Nếu dùng cứu giúp rộng khắp tất cả trên đây để nối liền, thì mười câu đều vì chúng sinh mà khiến cho đạt được pháp thiện này.

Trong tiết b là tổng quát kết luận, dùng văn này để chứng minh giải thích về nghĩa của Tăng trưởng thì Lý rất rõ ràng.

Trong tiết sau là trình bày về Tích tập hồi hướng, có hai: a- Riêng biệt trình bày; b- Từ “Bồ-tát Ma-ha-tát như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong tiết a có hai chi: Một- Trình bày về tích tập vi tế; Hai- Từ “Bồ-tát sơ phát...” trở xuống là tích tập trải qua thời gian dài.

Trong chi một cũng có hai: 1- Trình bày về thiện căn đã tích tập ít nhất, một nắm thức ăn-một hạt gạo thì phước ấy nhỏ nhất, bố thí cho súc sinh thì ruộng ấy kém nhất, tích lũy điều thiện nhỏ bé này cũng dùng Đại Nguyện khiến cho đích thực phát khởi, thành tựu về Hạnh hồi hướng. 2- Từ “Hàm tác...” trở xuống là trình bày về Hạnh hồi hướng.

Trong chi 2 là trình bày về Hạnh hồi hướng: Trước là tổng quát trình bày về lìa xa đau khổ-có được niềm vui. Sau từ “Vĩnh độ...” trở xuống là riêng biệt làm rõ về lìa xa đau khổ, văn có mười câu: Câu đầu là tổng quát hiển bày về sâu rộng. Tám câu tiếp là riêng biệt trình bày về tướng của khổ: 1- Thọ tức là tự tánh của khổ; 2- Uẩn tức là chỗ dựa của khổ, nghĩa là năm thanh ấm; 3- Giác về khổ, nghĩa là tướng của khổ, cũng thâm nhiếp cảm giác về oán ghét hội tụ-yêu thương lìa xa...; 4- Tự nghĩa là sinh-lão-bệnh-tử, ba khổ-tám khổ; 5- Hành tức là nghiệp của lỗi lầm; 6- Nhân tức là các phiền não; 7- Bản tức là tham dục; 8- Xứ tức là ba đường dữ. Cho đến chỗ dựa của Biến dịch đều được rời bỏ, là bao gồm năm câu sau. Một câu sau từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận khiến cho đạt được Bồ-đề.

Chi hai là Tích tập trải qua thời gian dài, bởi vì đã tích tập từ lúc mới phát tâm, trong văn có hai: 1- Tổng quát nêu lên thiện căn hồi hướng. 2- Từ “Dục linh...” trở xuống là trình bày về ý hồi hướng, tức là tướng của hồi hướng, bởi vì nói mong muốn khiến cho vốn là tâm nguyện. Văn có mười ba câu: Mười hai câu trước là sáu cặp về đạt được lợi ích của Tùy tướng, một câu sau là lợi ích tiến vào Lý bình đẳng.

Trong sáu cặp: 1- Lìa xa quả của Khổ, đạt được niềm vui của Diệt; 2- Ra khỏi nhân của Tập, tu về Chánh Đạo; 3- Đầy đủ Bi-Trí thành tựu tu Đạo trên đây; 4- Bảo vệ điều thiện gần gũi Đức Phật thì ra khỏi biển phiền não; hai cặp còn lại cùng thành tựu như cặp 1.

Trong tiết b là tổng quát kết luận: Một nắm thức ăn-một hạt gạo... tức là tích tập ở hiện tại, từ lúc mới phát tâm đến nay tức là tích tập ở quá khứ. Điều thiện tích tập ở vị lai, tuy là chưa khởi lên, mà nguyện lực có lẽ đi trước, khởi lên thì chắc chắn tùy ý vận dụng tiếp tục hưởng về ba nơi, hướng hồ chín đời viên dung dựa vào giáo pháp này hay sao?

Mục sau từ “Phục tác thị niệm như quá khứ...” trở xuống là giống với Ly tướng hồi hướng của chư Phật, tức là hướng về Thật tế, gồm chung hai hồi hướng trước đây, lời nói có trước-sau mà thực hành ở tại một tâm. Trong văn có hai tiết: Một- Giống với quá khứ; Hai- Từ “Phật tử...” trở xuống là giống với hiện tại-vị lai.

Trong tiết một có hai: 1- Nêu ra thụ động giống nhau; 2- Từ “Như bỉ...” trở xuống là hiển bày về chủ động giống nhau.

Trong tiết 1 có ba: a- Nêu lên Tùy tướng tức là có Ly tướng, vì vậy câu cuối cùng nói mà không có gì vướng mắc; b- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng của Ly tướng; c- Từ “Nhu thị thâm nhập...” trở xuống là kết luận về vô ngại.

Trong tiết a: Trước là lìa xa Vọng phù hợp với Chỉ, đầu là Uẩn-tiếp là Xứ, không trú vào pháp thế gian tức là mười tám Giới, có Căn-Cảnh-Thức vốn là thế gian, không dựa vào-không vướng mắc tức là xuất thế gian. Sau từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là giải thích về nguyên cớ không vướng mắc trước đây, không vướng mắc là bởi vì thấy Thật mà thành tựu về Quán: Câu đầu là Dụ. Từ “Vô sở tùng...” trở xuống là văn hàm chứa Pháp-Dụ, chỉ quán sát về thụ động Dụ-chủ động Dụ có thể biết, đều bởi vì thuận theo duyên không có tánh cho nên không có đến..., năm câu lần lượt chuyển tiếp giải thích lẫn nhau, văn trên nói: Tất cả các pháp không có đến, vì thế cho nên không có sinh... Từ “Viễn ly...” trở xuống là kết luận thành tựu về Quán: Tâm không có phân biệt cho nên vắng lặng không động, duyên bên ngoài không chuyển, không sai lạc đối với soi chiếu, không hủy hoại đối với Chỉ, cho nên tương ứng với Thật tế. Thật tế gọi là gì? Tức là Vô tướng. Sao gọi là Vô tướng? Bởi vì Thể lìa xa mười tướng, chỉ là một tướng. Một tướng gọi là gì? Tức là Vô tướng. Vả lại, Vô tướng dựa theo Lý, bởi vì vốn tự nhiên không có; Ly tướng dựa theo Trí, bởi vì lìa xa tướng giữ lấy, chỉ là một tướng cho nên Tâm-Cảnh phù hợp sâu xa.

Tiết c là kết luận về vô ngại: Đã hợp với pháp tánh cho nên tu tập Tùy tướng, một thâu nhiếp tất cả gọi là Phổ Môn Thiện, đều được thấy chư Phật là sơ lược phân rõ về thành tựu lợi ích.

Trong tiết 2 là hiển bày về chủ động giống nhau, có hai: a- Nhắc lại thụ động giống nhau để tổng quát hiển bày về chủ động giống nhau. b- Từ “Giải như thị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng giống nhau: Hai câu đầu là Nguyên hiểu biết-chứng đạt (giải-chứng) giống như Phật; hai câu tiếp là dựa vào tu hành; từ “Bất vi...” trở xuống là hiển bày về tướng của tu hành, đến Địa cứu cánh tức là quả của tu tập.

Trong tiết hai là giống với hiện tại-vị lai, phân ba: 1- Nhắc lại thụ động giống nhau, tức là nêu ra quá khứ để ví dụ cho hiện tại-vị lai; 2- Từ “Ngã kim...” trở xuống là tổng quát hiển bày về chủ động giống nhau; 3- Từ “Đệ nhất...” trở xuống là riêng biệt trình bày về tướng giống nhau, bao gồm chủ động-thụ động giống nhau (năng-sở đẳng).

Trong chương nói về quá khứ trước đây đã mở rộng hiển bày về Ly tướng, nay trong văn này thẳng thắn ca ngợi về thù thắng, nghĩa giữ lại phỏng theo tóm lược bởi vì không muốn phức tạp. Văn có mười chín câu, bản kinh thời Tấn có đủ hai mươi câu, nghĩa là từ “Quảng đại...” trở xuống thì có Minh tịnh hồi hướng, nay dịch nghĩa là giống với thanh tịnh cho nên thiếu một câu này. Trong đó: Chín câu đầu là đối chiếu so sánh để phân rõ thù thắng: 1- Tổng quát trình bày về xuất hiện đứng đầu cho nên gọi là thứ nhất; 2- Bởi vì vượt qua phạm phu-Tiểu thừa; 3- Bởi vì vượt lên trên phần vị của nhân; 4- Bởi vì một mình xuất hiện; 5- Bởi vì không có gì hơn được; 6- Bởi vì không có gì sánh cùng; 7- Bởi vì chỉ đến nơi cuối cùng không hai thì có thể sánh bằng; 8- Bởi vì không có gì sánh được; 9- Bởi vì không có gì địch nổi. Mười câu sau là dựa theo Tự Thể để hiển bày thù thắng: 1- Tôn cho nên đáng quý trọng; 2- Diệu cho nên lời nói-suy nghĩ không đạt tới; 3- Xứng với Lý cho nên không có sai khác; 4- Bởi vì không hướng về nơi nào khác; 5- Bởi vì thâu nhiếp đức; 6- Bởi vì rộng khắp pháp giới, xưa nói là Đại Nguyên; 7- Bởi vì lìa xa Vô ký; 8- Bởi vì lìa xa cấu nhiễm; 9- Bởi vì tự mình không có ác hạnh; 10- Bởi vì không thuận theo duyên ác.

Trên đây là chính thức hiển bày về hồi hướng, xong.

Mục b: Trình bày về thành tựu lợi ích của hồi hướng, văn hiển bày có thể biết.

Phần sau là Quả thuộc phần vị, tóm lược phân rõ về mười loại đức thù thắng: 1- Bởi vì tu theo nghiệp của Phật cho nên hồi hướng giống như Phật, hồi hướng Chúng sinh vốn là nghiệp của Phật, lại như mười

loại nghiệp của Phật trong phẩm Ly Thế Gian. 2- Hưởng về đức của quả Phật vốn là hưởng đến Bồ-đề. 3- Trí tiến vào Lý sâu xa vốn là hưởng đến Thật tế. Còn lại có thể nhận.

Phần kệ tụng, có hai mươi bốn kệ phân ba: Một- Có hai mươi một kệ, tụng về Hạnh thuộc phần vị trước đây; Hai- Có hai kệ, tụng về Quả thuộc phần vị; Ba- Một kệ cuối cùng là kết luận ca ngợi.

Trong phần một có hai mươi một kệ, có hai: Đầu là một kệ, tụng về tổng quát nêu lên giải thích tên gọi; hai mươi kệ sau, tụng về mở rộng giải thích trên đây.

Hai mươi kệ sau cũng có hai: Trước là mười chín kệ, tụng về chính thức trình bày hồi hướng; sau là một kệ, tụng về thành tựu lợi ích.

Trong mười chín kệ trước, cùng tụng về Tùy tướng-Ly tướng, trong văn cũng có hai:

1) Có sáu kệ, tụng về đối cảnh mà phát sinh thiện căn hồi hướng, trong đó: Hai kệ đầu, tụng về thiện căn đã hồi hướng, bao gồm hồi hướng niềm vui đến Phật; bốn kệ sau, tụng về hồi hướng Chúng sinh, khiến cho đạt được niềm an lạc của Phật.

2) Có mười ba kệ, tụng về thâm nhiếp vạn thiện để hồi hướng, phân ba: Một- Có bốn kệ, tụng về Tăng trưởng hồi hướng; Hai- Có ba kệ, tụng về Tích tập hồi hướng; Ba- Có sáu kệ, lùi lại tụng về thiện căn đối cảnh trước đây, hồi hướng về Bồ-tát.

Trong sáu kệ lùi lại trước đây: Bốn kệ đầu là Tùy tướng; hai kệ sau là Ly tướng.

Trong hai kệ sau: Kệ một là đạt được phạm vi của pháp, hai và không hai đối đãi với nhau đều vắng lặng. Kệ hai là hiểu rõ về nguồn gốc của Vọng, dùng Tướng để loại bỏ Cảnh, Cảnh hết thì Tướng không còn; dùng Phi tướng để loại bỏ Tướng, đối đãi với nhau đều vắng lặng. Vắng lặng mà luôn luôn soi chiếu mới gọi là hiểu rõ về Tướng.

Phần hai là thành tựu lợi ích về quả thuộc phần vị, và phần ba là kết luận ca ngợi, văn kệ có thể biết.

Thứ tư: Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hướng.

Phần trường hàng cũng có hai: Đầu là Hạnh thuộc phần vị; sau là Quả thuộc phần vị.

Trong phần đầu là Hạnh thuộc phần vị cũng có ba phần, đó là nhắc lại-giải thích và kết luận.

Phần một là nhắc lại tên gọi đưa ra phát khởi: Chí là thiện căn chủ động đi đến, và vật dụng cúng dường ấy. Nhất Thiết Xứ tức là cảnh đã đến cúng dường, nghĩa là dùng Đại Nguyện khiến cho vật dụng cúng

dường của thiện căn này, đến khắp tất cả thời gian-nơi chốn, tùy theo sự cúng dường thích hợp mà cúng dường các ruộng phước.

Kinh Bốn Nghiệp nói: “Dùng lực của Đại Nguyện đi vào trong quốc độ của tất cả chư Phật, mà cúng dường tất cả chư Phật.”

Nhưng dựa theo văn sau, hoặc là nhân hay là quả, đều đến tất cả, sơ lược nêu ra mười sự việc: 1- Pháp thân đến tất cả mọi nơi, bởi vì thân của Như Lai Tạng rộng khắp mọi nơi. 2- Pháp thân đến cho nên Trí thân đến. 3- Trí thân đến cho nên Đại Nguyện đến. 4- Đại Nguyện đến cho nên vật dụng cúng dường của thiện căn đến. 5- Bởi vì được thấy Phật-lắng nghe pháp mà đến. 6- Bởi vì hiện thân mở bày giác ngộ mà đến. 7- Bởi vì không có đến-không có đi mà đến. 8- Bởi vì không ra ngoài một lỗ chân lông mà có thể đến. 9- Bởi vì một mảy lông của một thân giống như tất cả mảy lông của tất cả thân mà đến. 10- Bởi vì một niệm giống như tất cả thời kiếp mà đến.

Nếu muốn trình bày về Thể riêng biệt, thì dùng thiện căn cúng dường chư Phật, và tâm thuộc Thắng giải làm Thể; tổng quát thì đầy đủ tất cả pháp giới.

Trong phần hai là dựa vào đưa ra để mở rộng giải thích, có ba: 1- Hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề; 2- Hồi hướng Thật tế; 3- Kết luận ca ngợi về thành tựu lợi ích.

Trong phần 1 có hai: Đầu là sơ lược trình bày; sau là mở rộng hiển bày.

Trong phần đầu là sơ lược trình bày có ba: a- Pháp; b- Dụ; c- Hợp.

Trong phần a là Pháp, nghĩa là dùng lực của Nguyện và lực của thiện căn, hai lực này giúp đỡ lẫn nhau cho nên có thể đi đến khắp nơi.

Phần b từ “Thí như...” trở xuống là trong Dụ để so sánh: Thật tế, tức là phạm vi chân thật của tất cả các pháp. Không có gì không thuộc về tất cả chúng sinh, nghĩa là tất cả vốn có hình dạng. Trong bản kinh thời Tấn gọi là Nhất thiết hữu; còn lại đều có thể biết. Hồi Hướng này cùng với Như Tướng hồi hướng và Pháp Giới hồi hướng có sai biệt, bởi vì Hồi Hướng này dựa vào thiện căn để hồi hướng, thành tựu vật dụng cúng dường đến tất cả mọi nơi; Hồi Hướng thứ tám dựa theo thiện căn để hồi hướng, giống như nghiệp dụng-Thể tướng của Như; Hồi Hướng thứ mười dựa theo Hạnh đã hồi hướng rộng nhiều vô lượng, cho nên không có xen tạp.

Trong phần c từ “Nguyện thử thiện căn...” trở xuống là dùng pháp

để kết hợp: Trước là tổng quát; sau từ “Quá khứ...” trở xuống là riêng biệt trình bày.

Trong riêng biệt trình bày, có hai: Một- Nêu ra ba đời kết hợp với nơi đã đến; sự việc chủ động đã làm xong, quá khứ nói là nguyện đầy đủ; tu nhân đã tròn vẹn, vị lai nói là đầy đủ; hiện tại thành tựu Chánh giác mà giáo hóa, cho nên nói là quốc độ-đạo tràng. Hai- Từ “Nguyện dĩ Tín...” trở xuống là trình bày chủ động đi đến cúng dường, trong đó: 1- Thành tựu về nhân cúng dường, nhân có ba loại: a- Bởi vì Thắng giải là tùy tâm chuyển biến; b- Bởi vì Đại Trí là hiểu rõ không có chướng ngại; c- Bởi vì thiện căn hồi hướng hợp với Nguyện mà thành tựu. 2- Từ “Dĩ như chư...” trở xuống là phân rõ về cúng dường đã thành tựu, có thể biết.

Phần sau từ “Phật tử Bồ-tát Ma-ha-tát phục tác thị niệm...” trở xuống là mở rộng hiển bày, trong đó có hai: Một- Dựa theo chư Phật mười phương để trình bày đến khắp nơi; Hai- Dựa theo Phật thường trú để trình bày đến khắp nơi.

Trong mục một, phân ba: 1- Tổng quát trình bày về nơi cúng dường; 2- Từ “Như thị nhất thiết...” trở xuống là riêng biệt trình bày về cúng dường; 3- Từ “Dĩ thử thiện căn...” trở xuống là bao gồm hiển bày về tâm của hồi hướng.

Mục 1: Trước là dựa theo nơi chốn để hiển bày về nhiều; tiếp là đủ loại nghiệp đã khởi lên, dựa theo nhân để hiển bày về nhiều; tiếp từ “Thập phương...” trở xuống là dựa theo số lượng để hiển bày về nhiều; sau là đủ loại thế giới, dựa theo hình dạng-chủng loại để hiển bày về nhiều, nghĩa bao gồm quốc độ Thọ dụng và quốc độ Biến hóa.

Trong mục 2 là riêng biệt trình bày về cúng dường, có hai: a- Cúng dường Phật hiện tại; b- Từ “Nhược Phật hình tượng...” trở xuống là cúng dường Phật trú trì.

Trong mục a có hai: Trước là ruộng phước đã cúng dường; sau từ “Phật tử...” trở xuống là trình bày về hạnh chủ động cúng dường.

Trong mục trước có hai tiết: Một- Ruộng phước thuộc về Thật Báo; Hai- Từ “Bỉ hữu...” trở xuống là phân rõ ruộng phước thuộc về Quyền Ứng.

Trong tiết hai có ba: 1- Hiện thân. 2- Thuyết pháp, nói là dùng Trí đến tất cả mọi nơi, ý trình bày nay ở phần vị này, Bồ-tát cũng có thể như vậy, đây tức là Bản thấp mà Tích cao. Nếu Phật làm Bồ-tát, thì Bản cao mà Tích thấp; hoặc là cùng cao-cùng thấp, nhân quả đan xen xuyên suốt, suy nghĩ về điều này! 3- Từ “Pháp thân...” trở xuống là giải

thích về nguyên cơ của Quyền Phật: Ba câu đầu hiển bày về bình đẳng với quả Phật, bởi vì Tánh Khởi giống nhau: Một- Đạt được Pháp tánh thân, bởi vì hưởng về khắp nơi giống nhau; Hai- Cùng có Trí thân, bởi vì tiến vào pháp giới; Ba- Tự Thể của Phổ Hiền, bởi vì Như Lai Tạng thân không sinh-diệt.

Dựa vào ba nghĩa trên, cho nên có thể khéo léo hiển bày khắp nơi thế gian. Nếu như vậy thì chúng sinh lẽ nào không có Như Lai Tạng thân hay sao? Vì vậy ba câu sau lại giải thích thành tựu về nghĩa trước: Một- Bởi vì chứng được pháp Thật, cho nên có thể giống như Pháp thân; Hai- Bởi vì có lực của Trí vô ngại, cho nên tiến vào khắp nơi pháp giới; Ba- Bởi vì sinh ra trong Phật chủng, cho nên đạt được Dụng của Như Lai Tạng thân, nghĩa là bắt dứt hai chướng. Quyền-Thật vô ngại là Kiến của Như Lai, uy đức rộng lớn là Dụng của Như Lai; Bồ-tát tùy thuận tỏ ngộ mà tiến vào, là sinh trong chủng tánh của Như Lai. Vì vậy phẩm Xuất Hiện nói: Nếu được nghe pháp môn Trí tuệ vô lượng-không thể nghĩ bàn-không có chướng ngại này của Như Lai, nghe rồi đều hiểu, tùy thuận tỏ ngộ mà tiến vào, thì nên biết người này sinh trong nhà của Như Lai. Mở rộng như phẩm ấy nói, đạt được ba loại sau này, phần vị của nhân hỷ còn tức là quả, hưởng hồ ứng hiện hay sao?

Trên đây cũng là nhân thuộc về Hạnh cúng dường.

Mục sau là trình bày về Hạnh chủ động cúng dường, vẫn có thể biết.

Mục b là cúng dường Phật trú trì, vẫn có thể biết.

Trong mục 3 là bao gồm hiển bày về tâm của hồi hướng: Đầu là câu tổng quát nhắc lại thiện căn hồi hướng; sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng của Hạnh, nghĩa là trước đây dùng thiện căn hồi hướng để thành tựu cúng dường, lúc cúng dường các ruộng phước thì dụng tâm như vậy. Văn có mười câu: 1- Không sinh vọng niệm; 2- Chuyên chú vào cảnh chính; 3- Không nhờ vào người khác mà tỏ ngộ; 4- Thiết tha sâu nặng đối với ruộng phước; 5- Thuận nghịch không lay động; 6- Không trú vào pháp; 7- Không dựa vào cảnh; 8- Nhận biết Ngã Không; 9- Tâm hành an nhiên; 10- Đích thực thuận với Niết-bàn.

Mục hai, dựa theo Phật thường trú để trình bày đến khắp nơi, nghĩa là thọ mạng trú trong ba đời tận cùng thời gian vị lai, Ứng cũng là Thường; bởi vì ba thân-mười thân dung thông vô ngại, cho nên không giống với văn trước có nói về thấp miếu... Trong văn có ba: 1- Dùng thiện căn hồi hướng để cúng dường Phật; 2- Từ “Nguyện linh nhất thiết...” trở xuống

là dùng thiện căn cúng dường Phật để hồi hướng Chúng sinh; 3- Từ “Thí như...” trở xuống là tổng quát về nguyện hồi hướng thiện căn để thâu nhiếp tất cả.

Trong mục 1 có hai: a- Cảnh đã cúng dường; b- Từ “Như thị nhất thiết...” trở xuống là hiển bày về Hạnh chủ động cúng dường.

Mục a là cảnh đã cúng dường: Toàn bộ hư không pháp giới, là trình bày về nơi chốn thì không nơi nào không rộng khắp; kiếp quá khứ-vị lai-hiện tại, là trình bày về thời gian thì không lúc nào không cùng tận; chư Phật Thế Tôn, là tổng quát đầy đủ Chân-Ứng. Từ “Đắc nhất thiết...” trở xuống là trình bày về thành tựu cuối cùng của Chân. Từ “Ư chúng chúng thời...” trở xuống là trình bày về thành tựu của Ứng hiện, bởi vì thành tựu thì có bắt đầu, Ứng là không có cuối cùng, cho nên đều là thọ mạng trú trong tận cùng thời gian vị lai; bởi vì Chân-Ứng không hai, cho nên tất cả đều dùng pháp giới để trang nghiêm; chủ-bạn viên thông, cho nên chúng hội-đạo tràng đều rộng khắp pháp giới. Sinh ra không phải là do mình, cho nên nói là bất cứ lúc nào; phát khởi thì nhất định phải làm lợi ích chúng sinh gọi là thực hiện Phật sự.

Trong mục b là hiển bày về Hạnh chủ động cúng dường, có ba tiết: Một- Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau; Hai- Từ “Nguyện dĩ...” trở xuống là vật dụng cúng dường đã thành tựu; Ba- Từ “Dĩ như thị...” trở xuống là kết luận về Hạnh cúng dường thành tựu.

Trong tiết hai có ba: 1- Dùng hai mươi sự việc như hương thơm làm tán che... 2- Từ “Vô lượng hoa cái...” trở xuống là dùng chín loại như vòng hoa... để ví dụ cho hương thơm trước đây, đều đầy đủ hai mươi sự việc. Hương thơm... lìa xa tán che... lại không có Thể tách biệt, cho nên có hai trăm. 3- Từ “Như thị nhất nhất...” trở xuống là tùy theo trong cột cao-tán che lọng... ấy, nếu tổng quát về tướng mà nói thì đều có chín sự việc như lan can..., thành ra một ngàn tám trăm, cộng với phần căn bản trước đây thì gồm có hai ngàn. Vậy thì hương thơm... làm thành tán che, tán che... có lan can..., từ Vô số Vô lượng như vậy dần dần tăng lên, mà đến Bất khả thuyết, Lý thật đều sánh bằng pháp giới khó có thể nói hết. Nhưng tất cả các loại đều nói nhất định bao gồm hương thơm..., không hoàn toàn bao gồm đối với tán che..., mà y phục và ánh sáng đâu có cửa ngõ-lầu gác...? Vậy thì số lượng không hẳn hai ngàn, nhưng nói thông với nhau mà nói tất cả các cảnh giới.

Tiết ba là kết luận về Hạnh cúng dường thành tựu, có thể biết.

Mục 2 là dùng thiện căn cúng dường Phật để hồi hướng Chúng sinh, là chính thức hiển bày về Nguyện của hồi hướng. Nhưng sau phần

cúng dường trước đây có nói về tâm không rối loạn..., nay sau phần cúng dường ở đây thì trình bày về Nguyện thanh tịnh..., là vẫn có phỏng theo tóm lược, nghĩa thật thì nối thông với nhau.

Văn phân làm hai: a- Tổng quát hiển bày về việc đã làm, nghĩa là khiến cho đạt được quả, Hoặc thanh tịnh mà Trí sáng tỏ. b- Từ “Linh nhất thiết...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về Nguyện đạt được nhân tròn vẹn quả đầy đủ: Đầu là trình bày về nhân tròn vẹn của Tự lợi-Lợi tha; sau từ “Thành tựu...” trở xuống là quả đầy đủ thuộc Dụng của Trí.

Mục 3 là tổng quát về nguyện hồi hướng thiện căn để thâm nhiếp tất cả: Bởi vì ba tiết trên đây riêng biệt trình bày về thiện căn, chỉ nói đến thành tựu cúng dường và cúng dường Phật; nay muốn hiển bày về thiện căn này không có gì không thành tựu, cho nên trở lại trình bày ở đây. Trong văn có hai: a- Dụ, nghĩa là bởi vì Lý của hai Vô ngã thâm nhiếp tất cả Lý-Sự, không có gì không đầy đủ; b- Từ “Ngã chư...” trở xuống là Pháp-Hợp có hai mươi câu: Mười hai câu trước thâm nhiếp về đức thành tựu Tự lợi, tám câu sau thâm nhiếp về đức thành tựu Lợi tha, văn đều hiển bày có thể biết.

Phần 2: Từ “Phật tử chí dĩ chư thiện căn như...” trở xuống là trong Hồi hướng Thật tế, có hai: a- Tổng quát nêu lên; b- Từ “Bất ư...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Phần a: Vận dụng Vô sở đắc (không có gì đạt được) làm phương tiện, tóm lược có hai nghĩa: 1- Lấy Vô sở đắc để dẫn dắt Tùy tướng trước đây, tức là trải qua Hữu mà không mê muội đối với Không, làm phương tiện mà tiến vào Hữu. 2- Dựa vào Vô đắc (không có đạt được) để tiến vào Hữu mà không giữ lại Vô đắc, ngay nơi Vô đắc này cũng là phương tiện, lấy đây làm phương tiện mà tiến vào Không.

Nay văn đích thực sử dụng ý trước mà nghĩa gồm đủ ý sau, bởi vì muốn hiển bày về Tùy tướng-Ly tướng, vốn không có trước-sau, nhưng tóm lược nói đến Vô đắc, là dựa theo kinh Đại Bát Nhã, cũng dùng Vô sinh-Vô diệt-Vô trú..., đều làm phương tiện trải qua Hữu.

Trong phần b là riêng biệt hiển bày, có ba mục: Một-Chính thức hiển bày về Quán tâm; hai-Từ “Bồ-tát như thị liễu đạt...” trở xuống trình bày về tướng của Quán thành tựu; ba-Từ “Bồ-tát như thị quán nhất thiết...” trở xuống trình bày về lợi ích của Quán thành tựu.

Trong mục một, văn có mười câu mà nghĩa có bốn mục:

Mục 1: Một câu đầu, thông hiểu Sự quy về Lý, nghĩa là pháp thuộc Sự đã hư rỗng thì tướng đều mất hết, Lý đều hiện rõ, cho nên nghiệp-quả đều Không. Nghiệp Không cho nên không có Thể để có

thể dẫn đến Báo, huống hồ nói là trong nhân mà có quả hay sao? Báo Không cho nên không có Thể để có thể đáp lại nhân, huống hồ nói là trong quả mà có nhân hay sao? Nếu dựa theo Quán tâm thì gọi là thông hiểu Dụng quy về Tịch.

Mục 2: Năm câu tiếp là trình bày về Lý không ngăn ngại Sự, dựa theo tâm thì Tịch không ngăn ngại Dụng. Trong đó: Một- Lý không có phân biệt chủ động-thụ động, mà không ngăn ngại có Trí chủ động tiến vào và pháp giới thụ động tiến vào. Hai- Không có tạo tác (Vô tác) mà tạo tác. Ba- Không có dấy khởi (Vô khởi) mà khởi lên tu tập. Bốn- Không có chủ động-thụ động về Tín mà có thể ngay nơi Sự tiến vào sâu xa. Câu này cùng với câu một chỉ khác về Sự-Lý. Kinh Đại Bát Nhã nói: “Nếu tin vào tất cả các pháp, thì không tin vào tất cả các pháp, bởi vì không tin vào tất cả các pháp, gọi là tin vào tất cả các pháp.” Đây là dựa theo không tin vào là chân thật tin vào, nay dựa theo không tin vào không trở ngại tin vào. Năm- Không có chủ động-thụ động về Kiến, mà không trở ngại chủ động-thụ động về Kiến.

Mục 3: Có hai câu trình bày về Sự-Lý cùng bất dứt, dựa theo tâm thì Chỉ-Quán cùng mất đi. Câu đầu là chính thức giải thích, Sự tạo tác-Lý không tạo tác, bởi vì đối đãi dựa vào ngôn từ cho nên đều không thể đạt được. Câu sau là giải thích thành tựu, pháp thuận theo duyên khởi thì không thể nào không sinh, các duyên phân tán thì không thể nào không diệt; thuận theo duyên sinh-diệt thì không thể nào không có, duyên sinh không có tánh thì không thể nào không trống rỗng. Vì vậy, tánh của các pháp không có một chút tự tại, làm sao có tánh-tướng mà có thể đạt được?

Mục 4: Có hai câu trình bày về Sự-Lý vô ngại, dựa theo tâm thì Tịch-Chiếu cùng hiện hành. Bởi vì Sự hư rỗng thu nhận Lý thì tất cả Sự là Lý, Lý thật phù hợp với duyên thì tất cả Lý là Sự. Vì lẽ đó, vắng lặng mà thường soi chiếu, soi chiếu mà thường vắng lặng, cho nên suốt ngày thấy-biết mà không có gì thấy-biết.

Bốn câu trên đây: Câu đầu là thông hiểu Hữu quy về Không, Hữu chưa từng giảm bớt; câu tiếp là dựa vào Không thiết lập Hữu, Hữu không hẳn tồn tại; câu tiếp là Không-Hữu cùng mất đi, không có ẩn-không có hiện; câu sau cuối là Không-Hữu không ngăn ngại gì, còn-mất ngay một lúc. Bốn câu dung hòa trọn vẹn, mới gọi là quán sát Thật tế Ly tướng.

Mục hai là trình bày về tướng của Quán thành tựu, nhưng vẫn trong mục này lại có hai ý: 1- Trước là Chỉ ngay nơi Quán, sau là trình

bày Quán ngay nơi Chỉ; trước tuy nói là nhận biết mà ý trình bày về không nhận biết gì. 2- Dùng tiết sau để giải thích thành tựu về văn trước, bởi vì nhận biết về nhân duyên..., cho nên không phân biệt về Báo ở trong nghiệp... Tuy có hai ý này mà Quán thành tựu hiển bày lẫn nhau, trong đó phân hai: Đầu là câu kết thúc phần trước sinh khởi phần sau, bởi vì dựa vào tâm-cảnh thông hiểu rõ ràng như trước, cho nên có thể thành tựu thấy biết như vậy về sau. Sau từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là chính thức hiển bày về tướng ấy, vẫn có tám câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Trong tổng quát: Nhờ vào quán sát trên đây cho nên có thể nhận biết về nhân duyên. Thế nào là nhân duyên? Nghĩa là tất cả các pháp, hoặc là hữu lậu-vô lậu, hữu vi-vô vi..., đều dùng nhân duyên mà làm căn bản của nó. Thế nào là căn bản? Nghĩa là nhân duyên cho nên Hữu, nhân duyên cho nên Không, nhân duyên cho nên không phải Hữu, nhân duyên cho nên không phải Không, nhân duyên cho nên Lưu chuyển, nhân duyên cho nên Hoàn diệt, cho đến tất cả đều bởi vì nhân duyên.

Trung Luận nói: “Chưa từng có một pháp nào không từ nhân duyên sinh ra. Hữu vi là duyên sinh ra, vô vi là duyên hiển bày. Bởi vì có hữu vi thì có vô vi, lại so sánh làm mất đi, cả hai không còn là vô vi chân thật.

Trong riêng biệt có bảy câu giải thích thành tựu về nghĩa trên đây, nhờ vào quán sát nhân duyên mà được thấy Phật..., vì thế cho nên nhân duyên làm căn bản của các pháp:

1) Thấy rõ Pháp thân là nhân duyên vô trú, căn bản của vô trú tức là Pháp thân. Kinh nói: “Phật lấy pháp làm thân.” Luận nói: “Nếu thấy pháp nhân duyên thì có thể được thấy Phật.”

2) Thấy rõ Thật tế của pháp, bởi vì lìa xa tánh của nhân duyên là pháp chân thật.

3) Duyên sinh không có tánh, cho nên như hóa hiện, tựa như có.

4) Không có Sự ngoài Lý, cho nên chỉ là một pháp, đều là Như Lai Tạng; Sự-Sự đều hư rỗng, cho nên không có hai tánh; hai hãy còn không có, huống hồ là có năm?

5) Tánh của duyên vô ngại, cho nên đối với cảnh của nghiệp đều đạt được khéo léo tài tình; lấy nghiệp thù nhiếp Báo, cảnh nhất định phải hưởng về tâm, thì nhân-quả trong-ngoài đều khéo léo tài tình.

6) Ngay nơi Sự hiển bày Lý mà không làm hỏng Sự, cho nên nói là đối với hữu vi...

7) Ngay nơi Lý thành tựu Sự mà không ẩn kín Lý, cho nên nói là

đối với vô vi...

Nếu hoại diệt hữu vi, thì mất đi Không vốn có của hữu vi. Nếu phân biệt vô vi, thì làm hỏng tánh của vô vi. Vì vậy, nếu dựa theo ngay trong nhau (Tương tức), thì hữu vi tức là vô vi, cho nên không thể nào hoại diệt; vô vi tức là hữu vi, cho nên cũng không thể nào phân biệt. Nếu dựa theo không có ngăn ngại (Vô ngại), thì Sự có thể hiển bày Lý mà không phải là Lý, Lý có thể thành tựu Sự mà không phải là Sự. Sự-Lý ngay trong nhau, tánh-tướng rất rõ ràng, cho nên Thể của hữu vi-vô vi không phải là một-không phải là khác. Thị nghĩa là biểu hiện rõ ràng về Phần là hữu vi giới-Tánh là vô vi giới.

Mục ba là trình bày về lợi ích của Quán thành tựu, văn hiển bày có thể biết.

Phần 3: Từ “Phật tử chí xưng khả...” trở xuống là kết luận ca ngợi về thành tựu lợi ích. Trên đây là trình bày gần về lợi ích của Ly tướng. Nay là bao gồm phân rõ về lợi ích của một hồi hướng. Trong văn có hai: 1- Trình bày về hai lợi ích thuộc Tự phần, câu đầu là trên thì hợp với tâm của Phật, các câu còn lại là tự mình thành tựu hai lợi ích. 2- Từ “Phật tử...” trở xuống là hai lợi ích thuộc Thắng tiến. Văn bao gồm Thể-Dụng, đều hiển bày có thể biết.

Trong phần sau từ “Bồ-tát...” trở xuống là Quả thuộc phần vị, có ba: Một- Nhắc lại lúc đạt được. Hai- Từ “Đắc chí...” trở xuống là chính thức hiển bày về pháp đã đạt được, văn có mười câu: Ba câu đầu là Thể của ba nghiệp rộng khắp, ba câu tiếp là Dụng của ba nghiệp rộng khắp, bốn câu sau là hiển bày về Dụng tự tại. Ba- Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận.

Phần trùng tụng có mười một kệ, phân ba: Một- Có bảy kệ, tụng về Hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề; Hai- Có ba kệ rưỡi, tụng về Hồi hướng Thật tế; Ba- Có nửa kệ, tụng về thành tựu lợi ích.

Trong phần một có hai: 1- Một kệ đầu, tụng về phần tóm lược trình bày “đến tất cả mọi nơi” trước đây, chỉ tụng phần Pháp thuyết về thiện căn đã tu tập. 2- Sáu kệ sau, tụng về phần mở rộng trình bày trước đây, trong đó: Đầu là nửa kệ, tổng quát tụng về nơi chốn đã đến trước đây; tiếp là một kệ rưỡi, tụng về Hồi hướng Chúng sinh trước đây; sau là bốn kệ, tụng về hồi hướng để thâm nhiếp tất cả trước đây. Còn lại có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 25 trong kinh).

Thứ năm: Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hướng.

Trong phần trường hàng cũng có hai: Đầu là Hạnh thuộc phần vị;

sau là Quả thuộc phần vị.

Trong phần đầu là Hạnh thuộc phần vị cũng có ba mục:

Mục một, nhắc lại tên gọi để đưa ra phát khởi: Bởi vì duyên với cảnh vô tận mà thực hành hồi hướng, cho nên thành tựu Hạnh thuộc công đức của thiện căn vô tận, đạt được quả của mười Tạng vô tận, từ chủ động hồi hướng và Hạnh thuộc quả mà có được tên gọi. Hoặc là Tạng của công đức vô tận, hoặc là ngay nơi Tạng bao gồm hai cách giải thích, dùng hồi hướng mà hướng về Hạnh, hồi hướng là Tạng chủ động, công đức vô tận là Tạng thụ động; dùng nhân hướng về quả cũng như vậy, đều là Hữu tài thích.

Kinh Bốn Nghiệp nói: “Thường đem Tam Bảo trao cho người trước mặt, cho nên gọi là Vô Tận Công Đức Tạng.” Nghĩa này cũng bao gồm thiện căn đã hồi hướng, tức là dùng thiện căn hồi hướng thuộc năm môn mà làm tánh ấy.

Trong mục hai là dựa vào đưa ra để mở rộng giải thích, có ba: 1- Trình bày về thiện căn đã hồi hướng; 2- Trình bày về Hạnh của hồi hướng; 3- Kết luận về Hạnh thành tựu đức.

Mục 1: Văn có tám câu: Ba câu đầu có thể biết. Bốn là nghe pháp-tu chứng, thuộc về Khuyến thỉnh, bởi vì hướng về Phật tự mình thừa thỉnh thì chắc chắn được nghe pháp. Bốn câu sau đều là Tùy hỷ.

Nhưng dựa vào kinh Ly Cấu Tuệ Sở Vấn Lễ Phật Pháp, toàn bộ có tám lớp: 1- Cúng dường Phật; 2- Ca ngợi đức của Phật; 3- Lễ Phật. Còn lại tức là năm phần sám hối. Hoặc là hợp với phần lễ lạy-ca ngợi, hoặc là lược bớt phần cúng dường, hoặc chỉ là năm, bởi vì phát nguyện hồi hướng chỉ khác nhau về tổng quát-riêng biệt, như luận Thập Trú Bà Sa.

Nay văn dựa vào hồi hướng này, bởi vì văn thuộc về phần sau, cho nên ở đây có bốn, hoặc chỉ là ba. Trí Luận nói: “Bồ-tát ngày đêm ba thời đều thực hành ba sự việc, đó là sám hối-khuyến thỉnh và tùy hỷ. Thực hành ba sự việc này thì công đức vô lượng, chuyển sang được gần Phật.” Nếu dựa vào kinh Thiện Giới thì chỉ có hai sự việc, đó là sám hối-hồi hướng thì tùy theo lúc mà mở rộng-tóm lược.

Như vậy, Sám gọi là bày tỏ rõ ràng tội lỗi trước đây, Hối gọi là sửa chữa quá khứ-tập vị lại, trừ bỏ nghiệp chướng xấu ác vì vậy cần phải sám hối. Nhưng mà Sám có hai loại: Nếu phạm vào Giá tội thì trước hết nên dựa vào Giáo mà tác pháp sám hối, nếu phạm vào Tánh tội thì cần phải phát khởi thực hành. Ở đây lại có hai loại: 1- Thực hành theo Sự, như kinh Phương Đăng và kinh Lễ Phật Danh... 2- Dựa vào Lý

quán, nghĩa là quán sát các pháp Không, như kinh Tịnh Danh nói: “Nên thẳng thắn trừ diệt, tâm ấy đừng hỗn loạn...” Nếu dựa vào Phổ Hiền quán và phẩm Tùy Hảo sau này, thì đều là sám hối đầy đủ Sự-Lý vô ngại, đến phần sau sẽ mở rộng trình bày.

Nói về Lễ kính, là bởi vì trừ bỏ chướng của Ngã mạn mà khởi tâm tín kính điều thiện. Tam tạng Lạc-na nói về bảy loại lễ, nay thêm vào ba loại sau để thành tròn vẹn là mười: 1- Ngã mạn lễ, nghĩa là theo thứ tự phần vị mà đứng chứ không có tâm cung kính. 2- Xương hòa lễ, lớn tiếng cho nên ồn ào hỗn tạp. Hai loại này không phải là nghi thức. 3- Cung kính lễ, năm phần thân thể sát đất, bởi vì thiết tha sâu nặng mà nâng bàn chân. 4- Vô tướng lễ, bởi vì đi sâu vào pháp tánh cho nên lìa xa chủ động-thụ động. 5- Khởi dụng lễ, tuy không có chủ động-thụ động mà lễ lạy, bởi vì Tam Bảo này không thể lễ lạy, mà trước mỗi một Đức Phật đều ảnh hiện. 6- Nội quán lễ, bởi vì chỉ lễ lạy Pháp thân Phật trong thân. 7- Thật tướng lễ, bởi vì không có bên trong-không có bên ngoài mà cùng một Thật tướng. 8- Đại Bi lễ, bởi vì trước đây tuy có quán sát mà chưa hiển bày vì chúng sinh, cho nên nay mỗi một lễ đều thay thế cho tất cả chúng sinh. 9- Tổng nhiếp lễ, bởi vì thâm nhiếp toàn bộ sáu loại trước mà làm một pháp quán. 10- Vô tận lễ, bởi vì tiến vào cảnh giới lưới giăng của Đế Thích (Đế vông), cho nên như Phật-như lễ trùng trùng vô tận.

Nói về Khuyển thỉnh, gọi là khẩn cầu, bởi vì trừ bỏ chướng ngại về phỉ báng Chánh pháp mà khởi lên thiện căn của Từ. Thanh văn tự độ cho nên chỉ sám hối tội lỗi của mình, Bồ-tát vì thương xót chúng sinh mà cần phải khuyển thỉnh, nhưng khuyển thỉnh Đức Như Lai rưới làn mưa giáo pháp khắp nơi, thì chính mình chắc chắn được hưởng đầy đủ. Văn này tóm lược nói là: Khuyển thỉnh Đức Phật thuyết pháp. Trí Luận lại thêm vào: “Thỉnh cầu Đức Phật trú thế.” Trong kinh Chiêm Sát cũng thỉnh cầu “Bồ-tát nhanh chóng thành tựu Chánh Giác.” Câu tiếp là nhờ được nghe pháp cho nên phát khởi tổ ngộ tiến vào pháp thiện.

Nói về Tu tập, luận Du Già quyển thứ 83 nói: “Tu là tác ý về Liễu tướng, Tập là tác ý về Thắng giải. Lại nữa, Tu là đối với sự việc đã nhận biết mà phát khởi hướng đến, Tập là thiết tha sâu nặng mà tu gia hạnh không gián đoạn.”

Nói về Tùy hỷ, là mừng cho niềm vui của người, mà trừ bỏ chướng ngại của ganh ghét, khởi lên tâm thiện bình đẳng. Nhưng luận Thập Trú-Trí Luận đều có ba phần vị: 1- Thiện của chư Phật; 2- Thiện của Nhị thừa; 3- Thiện của trời-người.

Nay văn có bốn câu: Đầu là một câu tổng quát trình bày đầy đủ đối với ba thiện, bởi vì Nhị thừa chính là nơi đáng quở trách, cho nên không nêu ra riêng biệt mà bao hàm ở trong tất cả chúng sinh. Sau là ba câu riêng biệt, câu hai riêng biệt trình bày về ba thiện, kết luận về tùy hỷ như nhau, câu sau là tùy hỷ nhân quả của chư Phật.

Phẩm Tùy Hỷ trong kinh Đại Phẩm trình bày: “Nước biển trong Đại thiên thế giới, lấy một sợi lông chẻ ra làm trăm phần, chấm lấy nước biển thì có thể biết được số lượng, nhưng phước của tùy hỷ thì không thể biết được số lượng.”

Kinh Pháp Hoa nói: “Lần lượt chuyển đến người tùy hỷ thứ năm mươi, hãy còn khó so sánh, huống là người tùy hỷ thứ nhất.”

Đây là dựa vào tùy hỷ với công đức Quyền-Thật của Như Lai, thì phước của tùy hỷ càng nhiều. Nhưng Phật là duyên thù thắng để trừ bỏ tội lỗi, cho nên cùng với sám hối không thuộc về trước-sau.

Thân khí đã thanh tịnh, tiếp đến mong mỗi làn mưa giáo pháp, sau lại thâm nhiếp người khác giống như mình hồi hướng về ba nơi, không rơi vào ba cõi và Nhị thừa. Nhưng năm quả như Lễ kính... nối thông thì đạt được Bồ-đề, riêng biệt thì Sám hối cảm được đầy đủ Y-Chánh, Lễ kính thì đầy đủ thân khí tôn quý, Khuyến thỉnh cảm được Tuệ, Tùy hỷ cảm được Đại quyền thuộc và Đại tài phước, Hồi hướng lia xa tà đạo thường gặp được đời kiếp có Phật, luôn luôn có thể tu hành, dựa theo giáo khác nhau có thể suy nghĩ theo đó.

Trong mục 2, từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là trình bày về Hạnh của hồi hướng, có hai: Trước là kết luận về thiện căn trước đây; sau từ “Tất dĩ...” trở xuống là chính thức trình bày về hồi hướng.

Trong mục trước có hai: a- Theo chiều ngang kết luận những điều đã nói trên đây và những điều không nói đến; b- Từ “Phàm sở...” trở xuống là theo chiều dọc kết luận về thiện căn trước đây, nghĩa là tùy theo một thiện căn trước đây đều có tích tập... Đầy đủ là viên mãn, học hỏi đạt được là thành tựu, chứng thực tiến vào là đạt được, hiểu rõ về tánh là hiểu biết. Văn còn lại đều rõ ràng.

Mục sau là chính thức trình bày về hồi hướng, trong đó có hai: a- Hồi hướng Bồ-đề; b- Hồi hướng Chúng sinh.

Trong mục a, có hai tiết: Một- Trình bày về Tùy tướng; Hai- Trình bày về Ly tướng.

Trong tiết một cũng có hai: 1- Chính thức phát khởi Hạnh nguyện; 2- Kết luận về thành tựu lợi ích của Hạnh.

Trong tiết 1 lại có hai: a- Hồi hướng Tịnh độ; b- Tổng quát thân

nhiếp về hồi hướng.

Trong tiết a cũng có hai: Trước là trình bày về các vật báu trang nghiêm; sau là trình bày về người quý báu làm trang nghiêm. Luận chung về trang nghiêm thanh tịnh thì có ba loại: 1- Xứ sở thanh tịnh; 2- Trú xứ của chúng sinh thanh tịnh, tức là hai tiết trước; 3- Pháp môn lưu truyền khắp nơi thanh tịnh, cũng gọi là Thọ dụng thanh tịnh, khắp nơi hai tiết trên. Lại trong hai tiết này có đủ mười tám loại viên mãn.

Trong tiết trước, có hai chi: Một- Tổng quát nêu lên những thành tựu; Hai- Từ “Như quá khứ...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng trang nghiêm.

Trong chi hai cũng có hai: 1- Nêu lên quốc độ trang nghiêm trong ba đời; 2- Nguyên thành tựu sự trang nghiêm ấy.

Chi 1 cũng có hai: a- Riêng biệt trình bày; b- Tổng quát kết luận.

Trong chi a, ba đời tức là ba phần riêng biệt, đó là quá khứ-vị lai-hiện tại mà làm thành thứ tự ấy.

Thứ nhất nói về quá khứ, phân hai: Một- Tổng quát trình bày; Hai- Riêng biệt hiển bày.

Một: Tổng quát trình bày: Trước là nêu ra thời gian để phân rõ nơi chốn; tiếp từ “Sở vị...” trở xuống là tổng quát nêu lên.

Thế giới chủng, tức là sự sắp xếp trong phương xứ, nói như Hội thứ nhất. Vô lượng, bởi vì không có phạm vi hạn lượng. Vô số, bởi vì số lượng rất nhiều. Phật trí đã nhận biết, bởi vì Thức thanh tịnh mà hiện bày, chỉ có Phật mới tận cùng được. Bồ-tát đã có thể nhận biết, bởi vì Đẳng Địa thấy được một phần. Đại tâm đã tiếp nhận, bởi vì Địa tiền có thể tiếp nhận. Trang nghiêm quốc độ Phật, tức là chính thức biểu hiện rõ ràng, đây tuy nghĩa là hình sắc mà ý là đầy đủ toàn bộ.

Hai: Từ “thanh tịnh...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, có hai loại viên mãn:

1) Phân rõ về nhân viên mãn, nghĩa là vượt qua Tịnh độ trong ba cõi, cũng có nhân của vượt qua. Nhưng trong phẩm Thế Giới Thành Tựu trước đây, khởi lên đầy đủ nhân duyên tổng quát có mười loại, Chúng sinh-Phật bao gồm mà nói bởi vì có tịnh-ước.

Nay ở đây chỉ có năm loại, bởi vì muốn giống như thanh tịnh của Phật, cho nên lược bớt Chúng sinh.

Câu đầu cũng tổng quát-cũng riêng biệt. Tổng quát trình bày về nhân của ba quốc độ, đều là nghiệp vô lậu, cho nên nói là thanh tịnh. Quốc độ Tự thọ dụng, do hạnh thanh tịnh mà lưu hành cho nên sinh ra vạn hạnh; quốc độ Tha thọ dụng và quốc độ Biến hóa, do nghiệp thanh

tịnh mà dẫn dắt cho nên hiện bày tùy theo nghiệp. Riêng biệt thì chỉ dựa theo Thọ dụng, do Nhân duyên mà lưu hành, do Tăng thượng duyên mà dẫn dắt.

Vì vậy luận Phật Địa nói: “Trong Như Lai Tạng Thức, thiện căn vô lậu làm nhân mà sinh ra. Có nghĩa: Chỉ là Tăng thượng duyên sinh ra, bởi vì pháp bên ngoài. Có nghĩa: Cũng là Nhân duyên mà sinh ra, bởi vì tự mình có thể sinh ra. Nếu không như vậy, thì lẽ ra không có Nhân duyên, bởi vì pháp bên ngoài hướng về với nhau không phải là Nhân duyên.” Ý lấy nghĩa sau làm chính, nói cũng là bởi vì gồm chung hai duyên.

Có nơi nói: “Cảm báo Tịnh độ dùng chủng tử của bốn Trần mà làm Chánh nhân, bởi vì tự mình cảm đến quốc độ; sáu Độ vạn hạnh mà làm Duyên nhân, bởi vì giúp đỡ thành tựu quốc độ. Hoặc là dùng Tự lợi và Hậu đắc trí mà làm Duyên nhân.”

Dựa vào Tông chỉ của kinh này, dùng tất cả các hạnh Ba-la-mật tùy theo những sự thích hợp ấy, thì hai quả Y-Chánh cùng làm hai nhân (Chánh-Duyên) giúp đỡ lẫn nhau mà phân rõ, bởi vì đều là thiện căn tương ứng với pháp tánh mà thành tựu, cho nên luôn luôn dung thông-luôn luôn tách biệt. Còn lại như trong phẩm Thế Giới Thành Tựu đã nói.

Bốn câu sau chỉ là riêng biệt: Hai câu đầu là nhân của quốc độ Biến hóa, câu trước dựa theo nghĩa làm Duyên, câu sau dựa theo nghĩa làm Nhân; một câu tiếp là nhân của quốc độ Tự thọ dụng, cho nên nói là nghiệp thanh tịnh xuất thế; một câu sau là nghĩa bao gồm nhân của quốc độ Tự-Tha thọ dụng, bởi vì từ Đấng Địa trở lên đều tu tập Diệu hạnh của Phổ Hiền. Vả lại, Diệu hạnh này tức là nhân của viên dung, cho nên dung thông các quốc độ trên mà không có gì chướng ngại.

2) Từ “Nhất thiết...” trở xuống là sự nghiệp viên mãn, bởi vì tự mình có năng lực hiện rõ, làm tất cả lợi ích ý nghĩa cho tất cả hữu tình. Như Lai tuy chính là chủ mà ý chọn lấy lợi ích ý nghĩa (Nghĩa lợi).

Thứ hai từ “Tận vị lai...” trở xuống là nêu ra quốc độ trang nghiêm ở vị lai, trong văn có hai: Một- Tổng quát nêu lên; Hai- Từ “Tận pháp giới...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Riêng biệt hiển bày có chín loại viên mãn, văn phân làm năm:

1) Phạm vi hạn lượng viên mãn, đây là bao gồm hai quốc độ, nghĩa là dựa theo Tự thọ dụng, từ lúc mới đạt được quả Phật, cho đến tận cùng thời gian vị lai, nối tiếp nhau không có thay đổi, không gian rộng khắp pháp giới cho nên không có giới hạn; dựa theo Tha thọ dụng, vì đối với

Địa thượng tùy theo thích hợp mà hiện rõ thù thắng-yếu kém, lớn-nhỏ thay đổi không nhất định, nhưng Địa tiên không lường nổi mà nói là không có giới hạn, Đấng Địa luôn luôn thấy cũng không có đoạn mất. Văn này bao gồm trình bày về Phương sở viên mãn, mà Phương sở có hai: a- Tự thọ dụng rộng khắp pháp giới, bởi vì ở nơi ba cõi mà không ngay đó-không tách rời; b- Tha thọ dụng ở văn sau sẽ phân rõ.

2) Đều sinh ra từ Trí tuệ của Như Lai, tức là Quả viên mãn, quốc độ Tự thọ dụng sinh ra từ Đại Viên Cảnh trí, quốc độ Tha thọ dụng sinh ra từ Bình Đẳng Tánh trí.

3) Từ “Vô lượng...” trở xuống là Y trì viên mãn, bởi vì kinh Phật Địa nói: “Do rất nhiều công đức vô lượng mà trang nghiêm, Đại Bảo Hoa Vương này làm nơi nương tựa duy trì (Y trì).” Nay trong văn: Trước là tổng quát nêu lên vật báu vi diệu (Diệu bảo). Sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt đưa ra: Trong ba loại đầu là Sự trang nghiêm có hoa sen; hai loại tiếp là Đức trang nghiêm, một loại đầu tức là vô lượng công đức, Phật lực tức là chủ động duy trì, một loại sau tức là quốc độ thụ động duy trì. Kinh Phật Địa chỉ dựa vào Sự cho nên chỉ nói đến hoa sen, nay bao gồm Sự-Lý cho nên nói là Phật lực, công đức trang nghiêm cũng bao gồm Sự-Lý.

4) Nơi an trú của Như Lai là trình bày về Chủ viên mãn.

5) Từ “Bất khả tư...” trở xuống là Phụ tá viên mãn. Lại bao gồm bốn loại, trong văn phân hai: Trước là tổng quát hiển bày thì bao gồm Quyển thuộc viên mãn, Quyển thuộc nghĩa là người-trời-tám bộ, nhưng đều là Bồ-tát hóa ra để chỉ rõ Tịnh độ không trống rỗng; nay chỉ nói các chúng thanh tịnh thì bao gồm đầy đủ rồi. Sau từ “Vị lai...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về đức thù thắng, bao gồm ba loại viên mãn:

Một: Trình bày về Phương sở viên mãn, kinh Phật Địa nói: “Vượt quá nơi chốn đã lưu hành của ba cõi.” Nay nói: Nơi thành tựu của tất cả chư Phật, nối thông với Tự-Tha thọ dụng, không phải là thế gian đã nhìn thấy, tức là vượt quá. Bồ-tát có thể thấy là Tha thọ dụng, Phương sở của Thọ dụng hoặc là nói về Tịnh cư, hoặc là nói về Tây phương...

Hai: Từ “Thử chư Bồ-tát cụ đại uy...” trở xuống đều là Môn viên mãn, dùng ba Tam-muội làm Môn đã tiến vào, trong này: Câu đầu là hiển bày về nhân của Môn; từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là tướng của môn Không, thực hành về nghiệp của Bồ-tát là tướng của môn Vô tướng; từ “Thiện xảo phương tiện...” trở xuống là tướng của môn Vô tác, tiến vào Tam-muội không thể nghĩ bàn là bao gồm tất cả trước-sau.

Ba: Lại nghiệp thanh tịnh này tức là Nhiếp ích viên mãn, bởi vì là

xa phiền não ràng buộc cấu nhiễm (Triền cấu)... là thân nhiếp lợi ích, cho nên gọi là thanh tịnh.

Thứ ba từ “Hiện tại...” trở xuống là nêu ra hiện tại trang nghiêm, trong này cũng có hai: Một-Tổng quát nêu lên tương tự cùng với quá khứ-vị lai, nói là cũng như vậy; hai-Từ “Vô lượng...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Riêng biệt hiển bày có loại viên mãn: 1- Hình tướng, tức là Hình sắc viên mãn. 2- Vô lượng màu sắc ánh sáng, tức là hiển bày về Sắc viên mãn, từ “Tất dĩ...” trở xuống là tổng quát để kết luận về nhân. 3- Từ “Vô lượng hương...” trở xuống là Trú xứ viên mãn, trong đó có ba: Đầu là tổng quát trình bày về Trú xứ; tiếp từ “Tùy thuận...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về nhân của Xứ, tức là nhân của Tha thọ dụng, cho nên nói là Thị hiện; sau từ “Sở vị...” trở xuống là mở rộng hiển bày về Xứ trang nghiêm, bởi vì vượt quá tất cả Bồ-tát và các trú xứ khác, cho nên gọi là Xứ viên mãn.

Chi b từ “Như thị đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận về vật dụng trang nghiêm và quốc độ trong ba đời, trong đó có hai: Trước là tổng quát kết luận về chủ động-thụ động trang nghiêm; sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về thụ động trang nghiêm, có hai mươi chín loại tùy theo Thể-Đức-Dụng mà thiết lập tên gọi không giống nhau, cũng có thể đưa vào tổng quát nêu lên trước đây để gồm chung kết luận.

Mười tám loại viên mãn trên đây, tùy theo thù thắng mà thiết lập quốc độ, như lý nên suy nghĩ!

Chi 2 từ “Như thị quá khứ...” trở xuống là Nguyên thành tựu sự trang nghiêm ấy, trong đó có hai: a-Trang nghiêm một thế giới; b-Từ “Như nhất thế giới...” trở xuống là ví dụ trang nghiêm rộng khắp tất cả để hiển bày về phạm vi giới hạn của sự trang nghiêm, khiến cho quốc độ khắp pháp giới đều đầy đủ tất cả sự trang nghiêm trong ba đời. Quốc độ của một Đức Phật đã đầy đủ sự trang nghiêm vô tận, thì một trang nghiêm là tất cả trang nghiêm, cũng hiển bày về một viên mãn thì tất cả viên mãn, trùng trùng vô tận, mới chính là Tịnh độ viên mãn của Hoa Nghiêm.

Tiết sau từ “Phật tử Bồ-tát chí phục dĩ thiện căn...” trở xuống là trình bày về người quý báu làm trang nghiêm, giống như Nguyên thứ bảy trong mười Đại Nguyên, cũng tức là Phụ tá viên mãn trước đây. Trong văn có ba chi: Một- Tổng quát về Nguyên đã thành tựu; Hai- Từ “Kỳ chư...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng của Nguyên; Ba-

Từ “Nguyện linh như thị...” trở xuống là kết luận vì trang nghiêm quốc độ.

Trong chi hai, văn có hai: 1- Đức cao xa của Nguyện; 2- Nghiệp rộng lớn của Nguyện.

Trong chi 1 cũng có hai: a- Chính thức hiển bày về đức; b- Kết luận về đức trang nghiêm quốc độ.

Trong chi a có hai mươi câu: Hai câu đầu là tổng quát trình bày về Thể thật-Trí viên; sau từ “Thiện năng...” trở xuống là mười tám câu riêng biệt hiển bày, trong đó: Trước là trình bày về Trí viên; sau từ “Thâm nhập...” trở xuống là trình bày về Thể thật.

Chi trước, tức là con đường viên mãn, Đại Niệm-Tuệ-Hạnh là con đường đã thường xuyên qua lại, con đường (Lộ) tức là tên gọi khác của Đạo.

Trong văn: Đầu là trình bày về Đại Tuệ, phân biệt là Quyền, đi sâu vào là Thật. Đây là Thể của Tuệ, lìa xa ngu si là nghiệp của Tuệ; từ “Thành tựu Niệm...” trở xuống tức là Đại Niệm, trong bảy Niệm sơ lược nêu ra bốn Niệm trước, bảy Niệm nói như trong phẩm Ly Thế Gian. Sau từ “Pháp nhật...” trở xuống tức là Đại Hạnh, bởi vì Hạnh tức là Tu Tuệ.

Chi sau là giải thích về Thể thật, cũng là Hạnh thâm nhiếp

Trong chi b là kết luận về đức trang nghiêm quốc độ: Đầu là câu tổng quát; tiếp đến sinh vào nơi chốn như vậy tức là chỉ về Tịnh độ trước đây, có đức như vậy tức là chỉ về văn trước đây.

Chi 2 từ “Thường tác Phật sự...” trở xuống là nghiệp rộng lớn của Nguyện, trong văn phân bốn, tức là bốn loại viên mãn: Một- Trình bày về Sự nghiệp viên mãn, trước đây phân rõ về nghiệp của Phật, nay là nghiệp của Bồ-tát. Hai- Từ “Đắc Đại Trí...” trở xuống tức là Thừa viên mãn, bởi vì Đại Chỉ-Diệu Quán lấy làm Thừa. Ba- Từ “Thú Tát-bà...” trở xuống là Vô úy viên mãn, bởi vì bên trong không có tai họa, bên ngoài không có sợ hãi. Bốn- Từ “Tùy thuận tam thế...” trở xuống tức là Nhậm trì viên mãn, luận nói: Hậu đắc trí vô lậu của chư Phật Bồ-tát, có thể thuyết giảng, có thể tiếp nhận pháp vị của Đại thừa, mà phát sinh Hỷ lạc. Trong văn có hai: Trước là trình bày về chủ động tiếp nhận; sau từ “Tri A-tăng-kỳ...” trở xuống là chủ động thuyết giảng.

Trong chi ba là kết luận vì trang nghiêm quốc độ, có ba: 1- Tổng quát làm sáng tỏ về con người khắp nơi. 2- Từ “Huân tu...” trở xuống là kết luận về đức sâu xa của Hạnh, nghĩa là dùng Chỉ-dùng Quán, chỉ có Trí-chỉ có Bi. Thân tâm huân tu không có gián đoạn, gọi là huân tu ở

mức cao nhất. Phiền não hiện hành không sinh, cho nên nói là hết sức thanh tịnh. Chủng tử tập khí không khởi lên, gọi là hết sức thanh tịnh ở mức cao nhất. Rất thản nhiên hài hòa, rất yên ổn vui vẻ. Thản nhiên hài hòa, yên ổn vắng lặng tức là tướng của soi chiếu vắng lặng, cũng là Nhất thừa. 3- Từ “Ư nhất Phật sát...” trở xuống là riêng biệt nêu ra tướng rộng khắp, bao gồm hiển bày về số nhiều, trong đó có ba: a- Một phương trong quốc độ có nhiều số lượng; b- Dùng phương ví dụ cho quốc độ; c- Dùng quốc độ ví dụ cho pháp giới.

Nói một phương sở thì nghĩa bao gồm lớn-nhỏ, dựa theo văn sau phẩm A-tăng-kỳ: Ở nơi một mảy lông vi tế, thì có Bất khả thuyết các vị Phổ Hiền. Nói “Như thị” là như đây đủ đức trước đây.

Tiết b từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát dĩ chư thiện căn phương tiện hồi hướng...” trở xuống là tổng quát thâu nhiếp về hồi hướng, bởi vì không chỉ là hướng về Tịnh độ của Phật. Văn có mười câu: Ba câu đầu là kết luận về những điều đã nói trước đây, bảy câu sau là phân rõ về những điều đã không trình bày.

Nói về Xuất yếu (Pháp quan trọng để được giải thoát), thì Xuất yếu của Tiểu thừa chỉ có bốn loại, đó là Tinh tiến-Niệm-Định và Tuệ. Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo không tách rời bốn loại này, cho nên nay cũng có đủ. Xuất yếu của Đại thừa chỉ có ba khoa, đó là Tứ Nhiếp-Tứ Đăng và Thập Độ. Thiết yếu của Tam thừa chỉ có Chỉ và Quán, Thiết yếu của Đại thừa chỉ có Trí và Bi, cho nên Thập Địa đều nói là Đại Bi làm đầu, Trí tuệ tăng lên cao. Còn lại đều có thể biết.

Tiết 2 từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát như thị hồi hướng...” trở xuống là kết luận về thành tựu lợi ích của Hạnh, thu nhận toàn bộ ba loại thế gian.

Tiết hai từ “Phật tử, chí dĩ như thị đẳng...” trở xuống là Ly tướng hồi hướng, tức là hồi hướng Thật tế, trong văn có hai: 1- Trình bày về thấy Thật, Trí hợp với Thật tế; 2- Làm sáng tỏ về lìa Vọng, Đức hợp với Thật tế. Hai tiết này lặp đi lặp lại tác thành lẫn nhau.

Tiết 1: Câu đầu nhắc lại Hồi hướng Bồ-đề trước đây; từ “Kỳ tâm...” trở xuống là chính thức hiển bày về Ly tướng, vắng lặng không bờ bến là tiến vào không thể nghĩ bàn, ngay nơi Sự hợp với Chân mà thường bình đẳng. Vì vậy cho nên có thể tiến vào tất cả, như Sự-như Lý vô ngại pháp giới gọi là tất cả.

Tiết 2 từ “Phật tử...” trở xuống là làm sáng tỏ về lìa Vọng, văn có mười cặp:

Sáu cặp đầu là ngăn chặn vọng chấp về Hữu, bởi vì duyên thành

cho nên không có tánh, đều là pháp của hồi hướng trước đây; do suy nghĩ mà khởi lên, nghĩa là thân-ngũ nghiệp, vẫn còn lại có thể biết.

Một cặp tiếp là ngăn chặn vọng chấp về Không, bởi vì tức là Chân mà không ngăn ngại, giữ lại mà không làm hỏng Giả danh, nói Thật tướng mà không làm hỏng nhân quả.

Ba cặp sau là cùng ngăn chặn chấp về Không-Hữu:

Cặp 1 là ngăn chặn về Sự-Lý, pháp tức là pháp thuộc Lý, bởi vì ngay trong nhau cho nên không thể nhất định giữ lấy.

Cặp 2 là ngăn chặn về sinh tử và Niết-bàn, lia xa tướng hướng về-rời bỏ (Hướng-bội), gồm chung có hai nghĩa: Một- Dựa theo Ly tướng, bởi vì sinh tử và Niết-bàn đối đãi với nhau mà có, đều là Không cho nên không thể có được; Hai- Dựa theo Thể dung thông, lấy duyên dựa vào Thật thì sinh tử tức là Niết-bàn, cho nên không có phân biệt hư vọng; lấy Thật thuận theo duyên thì Niết-bàn tức là sinh tử, cho nên không phải là tịch tĩnh chân thật. Vì vậy Trung Luận nói: “Thật tế của Niết-bàn, và Thật tế thế gian, hai Thật tế như vậy, không sai biệt mảy may.” Nhưng mà bản kinh thời Tấn nói: “Sinh tử không phải là tạp loạn, Niết-bàn không phải là tịch tĩnh.” Ngôn từ khác nhau mà nghĩa lý thì giống nhau.

Cặp 3 tức là ngăn chặn về chủ động-thụ động Chứng, hai Thật tế đã không có sai khác, chỉ có Phật có thể chứng được, cho nên lại lướt qua điều đó. Câu trước là nêu lên, câu sau là giải thích, cũng bao gồm hai ý: Một- Dựa theo Ly tướng, lia xa Tướng của chủ động Chứng thì không thể nào chứng được cảnh giới của Phật, bởi vì Thể của thụ động Chứng vốn là Không, cho nên không có một chút pháp nào tham dự với Trí của chủ động Chứng, cùng ngăn lại mà hợp với nhau; kinh Lăng Già nói: “Xa lìa chủ động Giác và thụ động Giác.” Hai- Dựa theo Thể dung thông, Phật tức là pháp giới, không nên dùng pháp giới để trở lại chứng pháp giới, vì vậy kinh Văn Thù Vấn nói: “Nếu dùng pháp giới để chứng pháp giới, thì chính là tranh chấp về một Thể của Như-Trí, ngoài Như không có một chút Trí nào là chủ động Chứng, ngoài Trí không có một chút Như nào là thụ động Chứng, cho nên không thể nào cùng ngăn lại.” Tiếp theo văn sau nói: “Không có một chút pháp nào là do Trí mà tiến vào, cũng không có một chút Trí nào mà tiến vào đối với pháp.” Ảnh Công nói: “Pháp tánh không cùng với Chân, Thánh Hiền không có Đạo khác.” Tức là ý này.

Ba cặp trên đây đều dựa theo giới hạn ngăn chặn (Già biên). Từ trước đến nay hợp với Thật đã phân rõ về cùng soi chiếu, là bốn môn

đầy đủ rồi.

Trong mục b từ “Phật tử...” trở xuống là Hồi hướng Chúng sinh: Đầu là tổng quát trình bày, nghĩa là ngay lúc hồi hướng Bồ-đề trước đây, liền dùng thiện căn để hồi hướng Chúng sinh, cho nên nói là lúc hồi hướng như vậy. Sau từ “Quyết định...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng của Hạnh, có bảy câu: Hai câu nói về Tùy tướng: 1- Không có tâm buông bỏ; 2- Không có tướng oán thân. Năm câu nói về Ly tướng: 1- Không thấy tướng của chúng sinh; 2- Không chọn lấy duyên giáo hóa; 3- Không suy lường căn tánh; 4- Không có Ngã-Nhân có thể hóa độ; 5- Tổng quát kết luận.

Mục 3 từ “Bồ-tát chí như thị hồi hướng...” trở xuống là kết luận về Hạnh thành tựu đức, có bốn lần nói đến “Phật tử”, bao gồm mục này là năm lần: Một- Thành tựu đức của thiện căn vô tận; Hai- Thành tựu đức của Trí tuệ hai Không; Ba- Thành tựu đức của cảnh giới thanh tịnh; Bốn- Thành tựu đức của Phước-Trí vô tận; Năm- Thành tựu đức của Phước-Trí rộng lớn.

Ngay trong năm loại trên: Một loại đầu là trình bày cả hai, hai loại tiếp là nói về Ly tướng, hai loại sau là nói về Tùy tướng.

Một: Thành tựu đức của thiện căn vô tận, bởi vì tùy theo mỗi một Hạnh mà phát tâm vô tận cho nên thành tựu đức vô tận, vẫn có mười câu: Đầu là câu tổng quát; sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt, trong đó: Bốn câu trước là do Tùy tướng mà thành tựu, hai câu trước là nhân-quả, hai câu sau là Y-Chánh; hai câu tiếp là do Ly tướng mà thành tựu, hiển bày về sâu rộng; hai câu tiếp là Giải-Hạnh, nối thông với Tùy tướng và Ly tướng; hai câu sau là bao gồm hiển bày về hồi hướng trên đây, bởi vì giống với ba đời.

Hai: Từ “Phật tử...” trở xuống là thành tựu đức của Trí tuệ hai Không, vẫn có mười câu: Bốn câu đầu là Ngã Không: 1- Không có Chúng sinh, bởi vì lìa xa cấu nhiễm của chúng sinh; 2- Không có Thọ mạng, bởi vì lìa xa sinh tử; 3- Không có Tác giả, cũng gọi là Vô ngã, bởi vì lìa xa cấu nhiễm của Ngã; 4- Không có Số thủ thú (Bổ-đặc-già-la), bởi vì đoạn dứt đời trước-đời sau. Phần còn lại như phẩm Thập Hạnh đã nói. Sáu câu sau là Pháp Không, vẫn cũng có thể biết.

Ba: Từ “Phật tử...” trở xuống là thành tựu đức của cảnh giới thanh tịnh: 1- Quốc độ thanh tịnh, tóm lược có ba nghĩa: a- Hiểu rõ uestạp mà tức là Không; b- Như Loa Kế... ở nơi uestạp mà thấy thanh tịnh; c- Tuy nhìn thấy thanh tịnh-uestạp mà không có tướng của thấy. 2- Chúngsinh thanh tịnh mà cùng một Thể Không, bởi vì cùng là Như Lai Tạng, cho

nên không có tướng của thấy. 3- Pháp thanh tịnh, Đối Pháp phân rõ về Trí, nghĩa thích hợp cho nên đưa ra, ở đây cũng có hai nghĩa: a- Không cho nên không có chủ động-thụ động; b- Cùng một Như cho nên nêu ra một mà thâm nhiếp đầy đủ. Ngoài Trí không có Như là do Trí mà tiến vào, ngoài Như không có Trí mà tiến vào đối với Như. Pháp tánh vắng lặng cho nên gọi là Như, vắng lặng mà thường soi chiếu cho nên gọi là Trí, đâu có gì khác nhau? Cũng giống như không có pháp nào cùng trú đã nói trên đây. 4- Phật thanh tịnh, bởi vì phá chấp có mà nói Phật giống như hư không. Nếu giống như hư không trống rỗng, thì cái thấy này không phải là thanh tịnh. Nay trình bày về đức Tự lợi-Lợi tha viên mãn, không phải là giống như hư không luôn luôn không có.

Bốn: Từ “Phật tử...” trở xuống là thành tựu đức của Phước-Trí vô tận: 1- Hưởng lên trên thâm nhiếp về Trí của Phật, nghĩa là Địa của Trí về Thập Lực, có Dụng không thể nói ra hết được, cho nên niệm niệm đạt được nhiều phước. 2- Từ “Cụ túc...” trở xuống là tự mình làm ruộng phước. 3- Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là Phước-Trí vô tận.

Năm: Từ “Phật tử...” trở xuống là thành tựu đức của Phước-Trí rộng lớn: Đầu là câu tổng quát hiển bày về nhân của phước-trí; tiếp từ “Phước đức...” trở xuống là chính thức hiển bày về tướng thù thắng, trong đó: Trước là trình bày về phước thù thắng, sau từ “Kỳ tâm...” trở xuống là hiển bày về trí siêu việt thù thắng.

Trong phần sau từ “Bồ-tát...” trở xuống là phân rõ về Quả thuộc phần vị có bốn, đó là nêu lên-đưa ra-giải thích và kết luận.

Trong phần giải thích có mười câu, đều trước là nêu ra tên gọi, sau là giải thích về nghĩa, trong đó phân ba: Đầu là sáu câu về Tự lợi: Một câu đầu là thấy Phật, dựa theo môn Vi tế, nghĩa của một mảy lông, văn trước đã giải thích nhiều. Nay trở lại đưa ra rõ ràng, nghĩa là tâm-tánh vốn không có lớn-nhỏ, tỏ ngộ thì thành tựu Trí thân; quốc độ đều là hình ảnh của Trí, Trí thanh tịnh thì hình ảnh sáng tỏ, lớn-nhỏ không ngăn ngại gì, một-nhiều ngay trong nhau và hòa vào nhau. Năm câu tiếp là thấy Pháp, tức là môn Tương nhập (Hòa vào nhau): 1- Chứng pháp thuộc Lý; 2- Trì pháp thuộc Giáo; 3- Tuệ nhận biết về ý bí mật, nghĩa là dùng Thật che mờ Quyền...; 4- Nghĩa tận cùng ý thú, đó là bốn ý thú..., cũng là tận cùng đối với tánh-tướng; 5- Nghe về Tạng nghĩa, bao gồm Tu-Chứng. Tiếp là ba câu về Lợi tha: 1- Phước làm thỏa mãn tâm ý người khác; 2- Trí diệt trừ phiền não của người khác; 3- Biện giải bình đẳng về Giáo. Sau cuối là một câu thâm nhiếp Hạnh thành tựu quả.

Trên đây, có nhiều điểm giống với phẩm Thập Tạng, có thể dùng

ý hiểu được.

Phần kết luận, có thể biết.

Phần kệ tụng, có hai mươi lăm kệ, phân hai: Đầu là một kệ, tụng về thiện căn đã hồi hướng, văn đều hàm chứa đầy đủ. Còn lại hai mươi bốn kệ, cùng tụng về hồi hướng thiện căn trước đây và phần kết luận về thành tựu lợi ích của Hạnh, trong đó có hai: Một- Có mười một kệ, tụng về hai đoạn Tùy tướng; Hai- Có mười ba kệ, tụng về hai đoạn Ly tướng.

Phần một, phân ba: 1- Tám kệ, tụng về Hồi hướng Bồ-đề, trong đó cũng có ba: a- Bốn kệ, tụng về quốc độ trang nghiêm trước đây; b- Ba kệ rưỡi, tụng về con người quý báu trang nghiêm; c- Nửa kệ, tụng về tổng quát thâu nhiếp hồi hướng. 2- Từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là một kệ, tụng về Hồi hướng Chúng sinh. 3- Từ “Thập phương...” trở xuống là hai kệ, tụng về phần kết luận thành tựu đức của Hạnh, tụng bao gồm năm tiết về thành tựu đức.

Trong phần hai từ “Bồ-tát thiện quán...” trở xuống là mười ba kệ, tụng về hai đoạn Ly tướng, có ba: 1- Bảy kệ, tụng về Ly tướng Bồ-đề trước đây, cùng với thấy Thật và lìa Vọng trước đây, đan xen với nhau mà tụng, bởi vì hiển bày thành tựu về hai tướng này. 2- Hai kệ, tụng về Ly tướng Chúng sinh. 3- Bốn kệ, tụng về phần kết luận thành tựu đức của Hạnh thuộc Ly tướng, trong đó hai kệ đầu là tụng về đức của cảnh giới thanh tịnh, hai kệ sau là tụng về đức của Trí tuệ hai Không.

